**PHỤ LỤC SỐ 01:**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

*(Kèm theo Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

| **STT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Lý do hết hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 09 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 | Về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 | Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 | Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020 | Văn bản hết thời gian thực hiện được quy định trong văn bản | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 | Về chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Về chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 - 2021 | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 20/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |
|  | Nghị quyết | số 08/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018 - 2020 | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | số 09/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021 | Được thay thế tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 15 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | 737/QĐ-UB ngày 15/9/1997 | Về việc quy định và phân cấp việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn thu thủy lợi phí và nguồn vốn IFAD trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 1579/QĐ-UB ngày 28/9/2001 | Về việc ban hành Quy định tạm thời tiêu chuẩn đàn bò giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 26/2002/QĐ-UB ngày 18/01/2002 | Về việc ban hành cơ chế khuyến khích thực hiện Dự án phát triển đàn bò sữa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 11/2008/QĐ-UBND ngày 23/07/2008 | Ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 05/2012/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 | Ban hành Quy định trách nhiệm Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 07/2012/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 | Ban hành Quy định về xác định tài sản và chính sách bồi thường tài sản là rừng trên đất lâm nghiệp khi thực hiện thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của các tổ chức, cá nhân để giao cho các hộ tái định cư tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 20/2012/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 | Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5, Điều 6 Quy định trách nhiệm Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ đê điều trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 31/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 | Về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/10/2020 |
|  | Quyết định | Số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05/01/2013 | Về Ban hành Quy chế quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản ở các vùng nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 19/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 | Về việc ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 09/2015/QĐ-UBND ngày 21/6/2015 | Về Sửa đổi Khoản 2, Điều 29 Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh | Được bãi bỏ tại Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh | 20/10/2022 |
|  | Quyết định | Số 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 | Ban hành Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 |
|  | Quyết định | Số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 | Quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020 | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Văn bản được quy định chi tiết thi hành là Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 đã hết hiệu lực thi hành. | 01/01/2021 |
|  | Quyết định | số 14/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Quy định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018 - 2020 | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2021 |
|  | Quyết định | số 15/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 | Quy chế hoạt động, nội dung chi, mức chi, quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai; Phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Quy định về phân bổ kinh phí và nội dung, mức chi từ nguồn thu Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Tuyên Quang | 09/10/2022 |
| **II** | **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 15 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 58/2005/NQ-HĐND ngày 30/7/2005 | Về quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 21/2008/NQ-HĐND ngày 27/11/2008 | Quy định chế độ hỗ trợ cho giáo viên mầm non không trong biên chế Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 28/2011/NQ-HĐND ngày 31/8/2011 | Về Quy định chế độ phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng, chế độ, chính sách đối với dân quân và mức hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội đối với Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về Quy định trợ cấp ngày công lao động, mức chi phí đi lại, hỡ trợ tiền ăn cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 | Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 | Hết thời gian thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện trong năm 2021 đối với một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | Số 07/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018 – 2020 | Hết thời gian thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện trong năm 2021 đối với một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | Số 15/2017/NQ-HĐND ngày 04/12/23017 | Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | Số 23/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 | Về việc sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020 | Hết thời gian thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện trong năm 2021 đối với một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | số 04/2018/NQ-HĐND ngày 04/07/2018 | Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | số 10/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định mức chi và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 03/6/2022 của HĐND tỉnh Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 |
|  | Nghị quyết | số 16/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Quy định mức chi cho công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Quy định trợ cấp ngày công lao động, mức chi phí đi lại, hỡ trợ tiền ăn cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quy định phụ cấp hằng tháng đối với thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân khi làm nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2021 |
|  | Nghị quyết | số 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 | Về việc tiếp tục thực hiện trong năm 2021 đối với một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | số 01/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 | Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã hoàn thành | 12/06/2021 |
|  | Nghị quyết | số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 | Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 | Được thay thế tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | Số 02/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 | Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025 | Được thay thế tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/01/2024 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 12 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 15/2007/QĐ-UBND ngày 11/06/2007 | Về việc ban hành Quy định quy cách kích thước, chất liệu, số lượng, chủng loại trang thiết bị, phương tiện làm việc, và mức kinh phí mua sắm cho các phòng sử dụng chung theo Quy định tại Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 21/2010/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 | Về việc ban hành Quy định phân loại và phân cấp quản lý các đơn vị dự toán cấp tỉnh | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 42/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, thuộc Sở Tài chính | Thay thế tại Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND, ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh. Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Tài chính; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 | Quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |
|  | Quyết định | Số 21/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 | Về việc ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với mục đích sử dụng đất và mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính thu tiền thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 | Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND tỉnh Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (nhà, công trình xây dựng khác, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/08/2023 |
|  | Quyết định | Số 18/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/01/2020 |
|  | Quyết định | số 20/2018/QĐ-UBND ngày 22/12/2018 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức (chủng loại, số lượng) sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2023 |
|  | Quyết định | số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 | quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2021 |
|  | Quyết định | số 25/2020/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 | quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 08/01/2022 |
|  | Quyết định | số 26/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 | về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |
|  | Quyết định | số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế bởi Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
| **III** | **LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 08/2015/NQ-HĐND ngày 18/01/2015 | Về bảng giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời gian có hiệu lực được quy định trong văn bản | 01/01/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 17/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 | Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | Số 21/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 | Định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/3/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thẩm định trong lĩnh vực môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/04/2022 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 06 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 24/2008/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 | Về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020 | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 22/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 | Về việc ban hành Đơn giá đo đạc địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền | 30/10/2019 |
|  | Quyết định | Số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/1/2015 | Về Ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 5 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 | Ban hành quy định phân khu vực, phân loại đường phố và phân vị trí đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 05/2016/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 | Về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |
|  | Quyết định | Số 07/2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 | Về Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về Ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 5 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
| **IV** | **LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 95/2006/NQ-HĐND ngày 08/12/2006 | Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 | Quy định về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020 | Thay thế tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 của HĐND tỉnh Tuyên Quang về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 |
|  | Nghị quyết | Số 42/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 | Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020 | Được thay thế tại Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2021 |
|  | Nghị quyết | số 07/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 | Quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của HĐND tỉnh về việc Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 28/04/2020 |
|  | Nghị quyết | số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |
|  | Nghị quyết | số 01/2020/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết hiệu lực thi hành được quy định trong văn bản. | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | số 08/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 | Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Giao Ủy ban nhân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 06 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 45/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Về việc quy định tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thay thế tại Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh. Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 10/2012/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 | Về việc ban hành Quy định cơ chế quản lý, điều hành tổ chức thực hiện Quyết định số 1766/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 17/2012/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 | Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 45/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | Thay thế tại Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh. Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 21/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 | Về việc sửa đổi điểm b, tiết 2.2, khoản 2, Điều 3 Quy định cơ chế quản lý điều hành, tổ chức thực hiện Quyết định số 1766/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 08/6/2012 của UBND tỉnh | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 | Về việc ban hành Quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite | Bãi bỏ tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
|  | Quyết định | Số 03/2014/QĐ-UBND ngày 21/05/2014 | Sửa đổi, bổ sung Quy định cho hội viên nông dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vay vốn được hỗ trợ kinh phí và lãi suất tiền vay để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây dựng hầm bể Biogas bằng vật liệu nhựa Composite ban hành kèm theo Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Bãi bỏ tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 | 01/08/2021 |
| **V** | **LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 29/2009/NQ-HĐND ngày 17/12/2009 | Về chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 09/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 | Về việc sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2009/NQ-HĐND ngày 17/12/2009 của HĐND tỉnh | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 07/2010/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 | Về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công) | Bãi bỏ tại Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2019 |
|  | Quyết định | Số 37/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh. Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Công Thương; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực công thương của Phòng Kinh tế thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 07/2014/QĐ-UBND ngày 01/7/2014 | Về việc ban hành Quy chế trách nhiệm quản lý, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 04/2015/QĐ-UBND ngày 09/2/2015 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Quỹ khuyến công) | Bãi bỏ tại Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2019 |
|  | Quyết định | Số 07/2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 | Về việc quy định một số thủ tục liên quan đến tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số thủ tục liên quan đến tiếp cận điện năng đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2023 |
| **VI** | **LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 31/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng, Phó phòng, ban, đơn vị thuộc Sở Giao thông Vận tải | Thay thế tại Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giao thông Vận tải | 01/07/2019 |
| **VII** | **LĨNH VỰC XÂY DỰNG** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 54/2005/NQ-HĐND ngày 30/7/2005 | Về việc thông qua nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 | Hết thời gian thực hiện được quy định trong văn bản. Hiện nay Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang được thực hiện theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 01/2007/NQ-HĐND ngày 16/03/2007 | Về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 | Hết thời gian thực hiện được quy định trong văn bản. Hiện nay Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang được thực hiện theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030 | 01/01/2021 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 10 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/09/2009 | Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 của tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 41/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
|  | Quyết định | Số 08/2011/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 | Về việc ban hành quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | Thay thế tại Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 12/2011/QĐ-UBND ngày 06/8/2011 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 15/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 tỉnh Tuyên Quang. | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 05/2014/QĐ-UBND ngày 27/5/2014 | Về Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Thay thế tại Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 32/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 | Ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. | Thay thế tại Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định quản lý, sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/12/2021 |
|  | Quyết định | Số 33/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 04/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 | Về việc ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | Quyết định | Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 | Về việc phân cấp thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | số 03/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 | Quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng và quy định điều kiện về quy mô của công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 23/05/2021 |
| **VIII** | **LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 03 Văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 37/2007/QĐ-UBND ngày 06/11/2007 | Về việc ban hành Quy định quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 44/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Khoa học và Công nghệ | Thay thế tại Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
|  | Quyết định | Số 13/2012/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 | Về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 37/2007/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2007 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
| **IX** | **LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 04 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 35/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông | Thay thế tại Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng,Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 26/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 | Về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 18/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 | Ban hành Quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh về việc quy định thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử; điều kiện về diện tích phòng máy và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2019 |
|  | Quyết định | Số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 | Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
| **X** | **LĨNH VỰC NỘI VỤ** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 08/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 | Về Quy định mức chi, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | Số 34/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 | Về cơ chế chính sách thu hút giảng viên trình độ cao và khuyến khích sinh viên cho trường Đại học Tân Trào | Hết thời gian thực hiện được quy định trong văn bản (Khoản IV, Điều 1 Nghị quyết quy định: "Chính sách thu hút và khuyến khích nêu trên được thực hiện đến hết năm 2020") | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 | Về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường thị trấn và ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | Số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 | Ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017 - 2021 | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | số 15/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017-2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | số 11/2020/NQ-HĐND ngày 30/12/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 27 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 13/2010/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 | Về việc tổ chức làm việc vào ngày thứ 7 hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính | Được thay thế tại Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh về tổ chức làm việc vào ngày thứ bảy hằng tuần để tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2022 |
|  | Quyết định | Số 22/2010/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 | Về việc Ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời gian xét tặng Cờ thi đua của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh | Thay thế tại Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh. Ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 03/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức; chuyển công tác, biệt phái đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị | Được Bãi bỏ tại Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức; chuyển công tác, biệt phái đối với viên chức thuộc quyền quản lý của các cơ quan, đơn vị | 10/10/2023 |
|  | Quyết định | Số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 | Ban hành Quy chế tuyển dụng và Nội quy thi tuyển công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/09/2021 |
|  | Quyết định | Số 17/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ dân phố | Thay thế tại Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/10/2019 |
|  | Quyết định | Số 23/2013/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 | Ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2019 |
|  | Quyết định | Số 24/2013/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 | Ban hành Quy chế quản lý, khai thác hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 | Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức | Bãi bỏ tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |
|  | Quyết định | Số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 | Về việc ban hành quy định phân cấp quản lý viên chức | Bãi bỏ tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |
|  | Quyết định | Số 09/2014/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 | Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động | 01/11/2019 |
|  | Quyết định | Số 14/2014/QĐ-UBND ngày 21/8/2014 | Về việc Quy định điều kiện, thủ tục thực hiện cơ chế, chính sách thu hút giảng viên trình độ cao và khuyến khích sinh viên đến công tác và học tập tại Trường Đại học Tân Trào | - Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh có nội dung quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách thu hút giảng viên trình độ cao và khuyến khích sinh viên cho Trường Đại học Tân Trào. - Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, do đó theo quy định của Khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật thì Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh cũng hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 | 01/01/2021 |
|  | Quyết định | Số 19/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 | Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn hằng năm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 | Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2020 |
|  | Quyết định | Số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 | Quy định nhiệm vụ, tiêu chuẩn, bố trí và quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh về bãi bỏ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nhiệm vụ, tiêu chuẩn, bố trí và quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2020 |
|  | Quyết định | Số 11/2015/QĐ-UBND ngày 01/8/2015 | Về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời gian xét tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Thay thế tại Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh. Ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 09/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 | Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Được thay thế tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh  ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/09/2021 |
|  | Quyết định | Số 11/2017/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 | Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tinh về Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
|  | Quyết định | số 04/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |
|  | Quyết định | số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ/UBND ngày 20/12/2013 | Bãi bỏ tại Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |
|  | Quyết định | số 02/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 | Ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Quyết định | số 13/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 | Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 05/3/2022 của UBND tỉnh Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/03/2022 |
|  | Quyết định | số 32/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 | Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/12/2023 |
|  | Quyết định | số 33/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 | Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 26/12/2023 |
|  | Quyết định | số 45/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2022 |
|  | Quyết định | số 16/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 | Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Tuyên Quang; cập nhật, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức | 01/12/2023 |
|  | Quyết định | số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 | ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 10/01/2024 |
|  | Quyết định | số 04/2022/QĐ-UBND ngày 05/3/2022 | Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 05/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/11/2023 |
| **XI** | **LĨNH VỰC TƯ PHÁP** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 03/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 | Về việc Ban hành Quy định một số mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2023 |
|  | Nghị quyết | Số 15/2014/NQ-HĐND ngày 23/7/2014 | Ban hành Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | Số 11/2015/NQ-HĐND ngày 18/01/2015 | Về Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định một số mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2024 |
|  | Nghị quyết | Số 06/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 | Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2023 |
|  | Nghị quyết | Số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 12/07/2022 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 12/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/06/2021 |
| **XII** | **LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 22/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 | Về việc ban hành Định hướng nội dung Quy ước thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 05/9/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 15/09/2020 |
|  | Nghị quyết | số 07/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 07 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 23/2007/QĐ-UBND ngày 06/08/2007 | Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý, hoạt động của nhà văn hoá xã, phường, thị trấn và nhà văn hoá thôn, xóm, bản, tổ nhân dân | Được bãi bỏ tại Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về bãi bỏ 02 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2022 |
|  | Quyết định | Số 34/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện | Thay thế tại Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng phòng, Phó Trưởng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 | Về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/12/2019 |
|  | Quyết định | Số 30/2013/QĐ-UBND ngày 10/12/2013 | Về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục xây dựng và công nhận quy ước thôn, xóm, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 08/2014/QĐ-UBND ngày 8/7/2014 | Về việc ban hành Quy định tiêu chí, thang điểm và mức đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, xóm, bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2019 |
|  | Quyết định | Số 10/2014/QĐ-UBND ngày 31/7/2014 | Về việc ban hành Quy định tiêu chí công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |
|  | Quyết định | Số 26/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 | Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội cấp quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/07/2023 |
| **XIII** | **LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 08/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 | Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2021 |
|  | Nghị quyết | Số 18/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2023 |
|  | Nghị quyết | số 12/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 09 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 48/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương các đơn vị trục thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | Thay thế tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | Số 12/2012/QĐ-UBND ngày 25/6/2012 | Về việc ban hành Quy định tặng quà đối với các thương binh, bệnh binh gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định đối tượng, mức chi thăm hỏi, tặng quà người có công với cách mạng và gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/07/2022 |
|  | Quyết định | Số 18/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 | Về việc ban hành Quy chế Quản lý kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Bãi bỏ tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 05/5/2021của UBND tỉnh về bãi bỏ 12 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 20/05/2021 |
|  | Quyết định | Số 12/2015/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố và tổ chức đại diện người lao động, người sử dụng lao động trong việc giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |
|  | Quyết định | Số 10/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 | Ban hành Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ, miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |
|  | Quyết định | Số 17/2017/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 | Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy đối với người bị xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/06/2023 |
|  | Quyết định | số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 | Quy định số lượng cán bộ và mức hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cộng đồng và gia đình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Bãi bỏ 06 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 10/08/2023 |
|  | Quyết định | số 16/2021/QĐ-UBND, ngày 28/9/2021 | Quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng lao động đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời hạn có hiệu lực được quy định tại văn bản | 01/01/2022 |
|  | Quyết định | số 12/2022/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 | Quy định tiêu chí xác định đối tượng, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ đối với hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và những người bán quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (năm 2021) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời hạn có hiệu lực được quy định tại văn bản | 30/06/2022 |
| **XIV** | **LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 03 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 01/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2016 | Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 | Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản (theo khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020) | 01/01/2022 |
|  | Nghị quyết | số 15/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 | Quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Hết thời gian có hiệu lực được quy định trong văn bản | 12/07/2022 |
|  | Nghị quyết | số 13/2022/NQ-HĐND ngày 03/07/2022 | Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học; quy định mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm học 2022-2023 | Được thay thế tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; mức chi trả cho đối tượng miễn, giảm học phí, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường công lập có cấp tiểu học năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 20/07/2023 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 46/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | Thay thế tại Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
|  | Quyết định | Số 05/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 | Về việc ban hành Quy định chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia, khu vực quốc gia, kỳ thi cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định Chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh | 01/10/2021 |
|  | Quyết định | Số 20/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 | Ban hành Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 20/05/2020 |
|  | Quyết định | Số 14/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 | Về sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định về quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 26/10/2013 và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 20/05/2020 |
|  | Quyết định | Số 02/2016/QĐ-UBND ngày 20/02/2016 | Về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia, khu vực quốc gia, kỳ thi cấp tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy định Chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh | 01/10/2021 |
| **XV** | **LĨNH VỰC Y TẾ** | | | | |
|  | **NGHỊ QUYẾT: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Nghị quyết | Số 24/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 | Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 của HĐND tỉnh Tuyên Quang ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/08/2019 |
|  | Nghị quyết | số 04/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 | Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/01/2020 |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 05 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 42/2004/QĐ-UB ngày 17/04/2004 | Về việc thành lập Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 45/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 | Ban hành Quy chế quản lý và điều hành Quỹ khám, chữa Bệnh cho người nghèo | Bãi bỏ tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 01/01/2020 |
|  | Quyết định | Số 43/2010/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Sở Y tế; Trưởng, Phó phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | Thay thế tại Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/6/2019 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/07/2019 |
|  | Quyết định | số 08/2018/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 | Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang | 15/01/2023 |
|  | Quyết định | số 06/2020/QĐ-UBND ngày 05/05/2020 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của UBND tỉnh Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 15/12/2023 |
| **XVI** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 09/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 | Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | Được thay thế tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/05/2023 |
|  | Quyết định | số 22/2019/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh | Được thay thế tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang | 01/05/2023 |
| **XVII** | **LĨNH VỰC NGOẠI VỤ** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 02 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 27/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
|  | Quyết định | Số 36/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 | Ban hành Quy định về việc sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Được bãi bỏ tại Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về bãi bỏ 02 quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành | 25/04/2022 |
| **XVIII** | **LĨNH VỰC THANH TRA** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 27/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 | Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh. | Thay thế tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra Sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thành phố thuộc tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
| **XIX** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BAN DÂN TỘC** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 20/2011/QĐ-UBND ngày 22/10/2011 | Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danhTrưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc, Phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh | Thay thế tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân huyện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 01/08/2019 |
| **XX** | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 13/2014/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp với các sở, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 26/2012/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2020 |
|  | Quyết định | số 46/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong công tác quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 05/01/2024 |
| **XXI** | **LĨNH VỰC AN NINH – QUỐC PHÒNG** | | | | |
|  | **QUYẾT ĐỊNH: 01 văn bản** | |  |  |  |
|  | Quyết định | Số 04/2013/QĐ-UBND ngày 16/5/2013 | Về Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước tỉnh Tuyên Quang | Thay thế tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | 10/06/2021 |
|  | **TỔNG: 185 văn bản (gồm 60 nghị quyết; 125 quyết định)** | | | | |